

Bản án số: 672/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2020

V/v ly hôn.

**NHÂN DA**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Chủ tọa phiên tòa - Thẩm phán:* Ông Tô Văn Mạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phan Minh Thanh.

Ông Lê Bá Hợp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:**  
Không tham gia.

Ngày 29/6/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 05 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phạm Hoàng A, sinh năm 1998, địa chỉ: Đường số HM, Phường T, quận G, Tp.Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

*Bị đơn:* Ông Phạm Công L, sinh năm 1987, địa chỉ: Quang T, Phường T, quận G, Tp.Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Hoàng A trình bày:

Bà và ông Phạm Công L kết hôn vào ngày 13 tháng 10 năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống có một con chung là Phạm Hoàng Phi Phi, sinh ngày 06/3/2017. Hạnh phúc gia đình được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bạo lực gia đình. Hai người đã sống ly thân từ tháng 01/2020. Nay Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên Bà xin ly hôn với ông L để ổn định cuộc sống.



Về con chung: Bà A yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngày 20/5/2020, bà A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Phạm Công L mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ vẫn không đến Tòa án, do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai cũng như tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải được. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về tố tụng:*

*Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Hoàng A đối với ông Phạm Công L là quan hệ trA chấp về hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, theo qui định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về người tham gia tố tụng:*

Bị đơn ông L đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Nguyên đơn bà A vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà A là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ L tố tụng dân sự.

*[2] Xét yêu cầu của đương sự:*

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 118/2016 do Ủy ban nhân dân phường 8, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông L, bà A ngày 13/10/2016 đã xác định quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà A là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Bà A yêu cầu được ly hôn với ông L vì tính tình không hòa hợp, bạo lực gia đình, tình cảm vợ chồng đã hết.

Ông L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình, nhưng ông L vẫn không đến Tòa án theo giấy triệu tập, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của bà A. Điều này thể hiện ông L không quan tâm đến chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc cho Tòa án giải quyết.

Xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững, là sự nỗ lực phấn đấu, xây dựng của cả hai bên vợ chồng. Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Nhưng giữa bà A và ông L đã không còn



sống chung với nhau. Nay bà A nộp đơn xin ly hôn với ông L cho thấy hôn nhân giữa bà A và ông L đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà A yêu cầu giải quyết ly hôn với ông L là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 56 của L hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

Về con chung: Bà A yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Phạm Hoàng Phi P, yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Ông L không đến Tòa án, cũng không có ý kiến gì về con chung, Hội đồng xét xử nghĩ cần chấp nhận yêu cầu của bà A giao con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung bà A khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng bà A chịu. Ông L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Bởi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Hoàng A đối với ông Phạm Công L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Hoàng A được ly hôn với ông Phạm Công L (Giấy chứng nhận kết hôn số 118/2016, do Ủy ban nhân dân phường 8, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông L, bà A ngày 13/10/2016 không còn giá trị).

- Về con chung: Giao con chung Phạm Hoàng Phi P, sinh ngày 06/3/2017 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành.

Ông L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở quyền này của ông L.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà A chịu, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà A đã nộp theo biên lai thu số 0025567 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà A đã nộp đủ án phí.



Ông L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông L không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng ông L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi quy định tại khoản 2 điều 468 của bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 L Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 L Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### 3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- TAND TPHCM;
- VKSNDQG;
- CCTHADS QG;
- UBND phường T  
q. G, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Tô Văn Mạnh**